**TUẦN 29**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Môn học: Tiếng Việt - Lớp 1A**

**Tên bài học: Bài 1: Loài chim của biển cả - Só tiết: 4 tiết**

*Thời gian thực hiện: Ngày 1, 2/ 4/2024*

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

***- Đọc:*** Đọc đúng, rõ ràng một câu chuyện đơn giản: **Loài chim của biển cả**; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh.

***- Viết:*** Viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc. Viết đúng câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn ngắn.

***- Nói và nghe:*** Trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

**2. Năng lực:**

**-** Phát triển NL tự chủ - tự học, giao tiếp - hợp tác*;* giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực hợp tác thông qua khả năng làm việc nhóm, khả năng nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt câu hỏi.

**3. Phẩm chất yêu nước, nhân ái:**

- Yêu và có ý thức bảo vệ thiên nhiên và động vật.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**1. Giáo viên :**

- Tranh minh hoạ.

- Máy tính, tivi.

**2. Học sinh** :

- Sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 1 tập 2, vở TV, bảng con, phấn.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1**  **1. Khởi động: 5’**  - Cho HS hát  - GV cho HS viết bảng  - Nhận xét, tuyên dương  **2. Khám phá: 18’**  **2.1. Nhận** **biết**  - Yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để tìm ra điểm khác nhau giữa chim và cá.  - Bây giờ chúng ta sẽ cùng nhau học bài tập đọc rất hay đó là bài “Loài chim của biển cả”.  - Ghi tên bài lên bảng, HS nhắc lại  **2.2. Đọc mẫu, HD chia câu**  - Đọc mẫu toàn VB  - Trong bài này gồm có mấy câu?  **2.3. Hướng dẫn luyện đọc từng câu, đoạn, kết hợp đọc từ khó và giải nghĩa từ**  - Cho HS đọc nối tiếp câu  - HDHS đọc từ khó.  - Cho HS đọc nối tiếp  - GVHDHS đọc câu dài  - Luyện đọc đoạn.  - GV chia VB thành 2 đoạn (đoạn 1: từ đầu đến *có màng như chân vịt*, đoạn 2: phần còn lại).  - Cho HS đọc nối tiếp  - Kết hợp giải nghĩa từ:  + dập dềnh: chuyển động lên xuống nhịp nhàng trên mặt nước.  + bão: thời tiết bất thường, có gió mạnh và mưa lớn.  **3.** T**hực hành: 10’**  **3.1. Luyện đọc nhóm**  **-** Tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm  **-** Tổ chức cho HS thi đọc nối tiếp từng đoạn giữa các nhóm.  **3.2. Đọc toàn bài**  - Tổ chức cho HS đọc thầm  - Nhận xét phần đọc của HS  - Đánh giá, biểu dương  **4. Vận dụng: 2’**  **-** GV yêu cầu HS chia sẻ cảm nhận sau bài đọc  - Nhận xét tiết học  **Tiết 2**  **1. Khởi động: 5’**  -Trò chơi hái hoa  - Nhận xét, tuyên dương  **2. Thực hành: 25’**  **2.1. Trả lời câu hỏi: 10’**  - Gọi hs đọc đoạn để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi.  + Bài đọc nói về loài chim nào?  a. Hải âu có thể bay xa như thế nào?  b. Ngoài bay xa, hải âu còn có khả năng gì?  + Khi trời sắp có bão, hải âu làm gì?  c. Vì sao hải âu được gọi là loài chim báo bão?  **2.2. Luyện đọc lại. 5’**  - Gọi HS đọc toàn bài.  - Nhận xét, khen ngợi.  **2.3.** **Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a và b ở mục 3. 10’**  - Yêu cầu nhắc lại cầu trả lời đúng cho cầu hỏi a và b  - Hướng dẫn HS viết cầu trả lời vào vở:  + Trong câu: Hải âu có thể bay qua những đại dương mênh mông.” có chữ nào cần viết hoa?  - GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu cầu, đặt dấu chấm đúng vị trí.  + GV viết mẫu chữ hoa H (Viết mẫu cả hai kiểu chữ hoa và chữ in hoa)  - Cho hs viết bài vào vở  - Nhận xét, tuyên dương  **3. Vận dụng: 5’**  -Nói câu về loài chim  - GV nhận xét giờ học. | - HS hát : Trái đát này là của chúng mình  - HS viết bảng  + Tìm tiếng, từ có chứa vần: uôn, ươt  + Tìm tiếng, từ có chứa vần: uông, oai  - Chim biết bay; chim ở trên trời; cá bơi dưới nước, …  - Lắng nghe  - Đọc lại đề  - Lắng nghe  - 8 câu  - Đọc câu nối tiếp lần 1.  - Đọc: loài, biển, thời tiết, …  - Đọc nối tiếp lần 2.  - Luyện đọc.  Hải âu còn bơi rất giỏi/ nhờ chân của chú có màng, như chân vị. //  -Lắng nghe  - Đọc nối tiếp từng đoạn 2 lượt.  - Lắng nghe  - Luyện đọc N2 và góp ý cho nhau  - 2-3 nhóm thi đọc  Nhận xét, tuyên dương  - 1 HS đọc toàn bài  - Nhận xét, bình chọn bạn đọc tốt  - 2 HS chia sẻ  - Lắng nghe  - Lớp trưởng điều khiển  - 2HS đoạn 1, 2  - HS đọc  + Hải âu.  + Hải âu có thể bay qua những đại dương mênh mông.  + (N2) Ngoài bay xa, hải âu còn bơi rất giỏi.  + Hải âu bay thành đàn tìm nơi trú ẩn.  + Khi trời sắp có bão, hải âu bay thành đàn tìm chỗ trú ẩn.  -2HS đọc  -Đọc yêu cầu  a. Hải âu có thể bay qua những đại dương mênh mông.  b. Ngoài bay xa, hải âu còn bơi rất giỏi.    - HS nêu: Chữ H cần viết hoa.    - Chữ hoa H  - Lắng nghe  - Quan sát, viết bảng con  -Viết câu vào vở  - Hải âu bay rất giỏi.  - Lắng nghe |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 3**   1. **Khởi động: 5’**   Yêu cầu LT lên tổ chức trò chơi:  “Bắn tên”  - Nhận xét, tuyên dương  **2. Thực hành: 27’**  **2.1. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết vào vở. 13’**  - Cho HS thảo luận nhóm  - Gọi HS trình bày  - Tại sao em không chọn các từ còn lại?  - Trong câu này, chữ nào được viết hoa? Tại sao?  - Cho hs viết vở  - Nhận xét, tuyên dương  **2.2. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh. 14’**  - Giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát và nói về nội dung bức tranh, theo các từ gợi ý: *hải âu, máy bay, bay, cánh.*  *-* Lưu ý khai thác thêm ý đối với HS có khả năng tiếp thu tốt (Sức mạnh sáng tạo của con người thật to lớn, sự kì thú của thiên nhiên, …)  - GV tổ chức trò chơi “*Phát thanh viên nhí*”. Yêu cầu một số nhóm trao đổi to cho cả lớp cùng nghe.  - Nhận xét, tuyên dương.  **3. Vận dụng: 3’**  - Nói câu có từ hạ cánh  - Nhận xét giờ học.  **Tiết 4**  **1. Hoạt động khởi động: 5’**  - GV cho HS viết bảng  - Nhận xét, tuyên dương  **2. Khám phá: 15’**  **2.1. Nghe – viết chính tả.**  - Đọc mẫu văn bản  - Gọi hs đọc  + Trong đoạn viết này, những tiếng nào viết hoa? Tại sao?  + Theo em, trong đoạn viết có chữ nào mà các em hay nhầm lẫn?  - GV lưu cách viết  - Đọc và viết chính tả:  + GV đọc từng câu cho HS viết.  **2.2. Chấm bài và soát lỗi**  - GV đọc lại bài  - YC HS đổi vở để chấm lỗi chính tả.  - Thu 1 số vở  - GV soát lỗi dưới lớp  - Chấm bài, nhận xét  **3. Thực hành: 10’**  **3.1. Chọn vần phù hợp thay cho ô vuông**  **-** GV nêu yêu cầu  - Cho HS thảo luận  - Gọi đại diện nhóm trả lời  - Gọi HS nhận xét, bổ sung  - Nhận xét, tuyên dương  **3.2. Trao đổi: Cần làm gì để bảo vệ các loài chim?**  - Tổ chức cho HS luyện nói tự do thông qua cuộc thi “*Tuyên truyền viên nhí”.*  - Lưu ý một số chi tiết: Không được bắn chim, bắt chim, phá tổ chim, …  - Nhận xét, chốt ý.  **4. Vận dụng: 5’**  -Nói câu để bảo vệ các loài vật sống trong thiên nhiên  *\*GDHS: Đừng săn bán các loài vật quý hiếm.*  - Nhận xét, dặn dò | **-** Lớp trưởng điều khiển  + Hải âu có thể bay xa như thế nào?  + Ngoài bay xa, hải âu còn có khả năng gì?  - Đọc các từ ngữ theo cá nhân và cả lớp  -Thảo luận nhóm 2, chọn từ ngữ cần điền vào chỗ chấm  - Một vài nhóm trình bày kết quả  a. Ít có loài chim nào có thể bay xa như hải âu.  b. Những con tàu lớn có thể đi qua các đại dương.  - Không phù hợp  - Chữ I, N viết hoa vì chữ đầu câu.  -Viết bài vào vở  + Ít có loài chim nào có thể bay xa như hải âu.  + Những con tàu lớn có thể đi qua các đại dương.  - Quan sát tranh  - Trao đổi nội dung tranh cùng các bạn trong nhóm.  - Lắng nghe  -Tham gia trò chơi  - Một số nhóm thực hiện.  - Nhóm khác bổ sung.  +Chim hải âu đang sải cánh bay lượn trên bầu trời.  + Máy bay cất cánh bay trên bầu trời.  -Máy bay hạ cánh an toàn.  - 2 HS lên bảng, lớp viết bảng con các từ:  sải cánh, vượt qua, đại dương, mặt biển  - Lắng nghe.  - 3 HS đọc  - Tiếng Hải, Chúng vì nó đứng đầu câu  - *loài/ lớn*….  - Lắng nghe  - Viết bài vào vở  -Soát lỗi  - Đổi vở chấm lỗi  - Nộp bài  - Nhóm 2  - Đọc yêu cầu  - Thảo luận nhóm 2 -Trình bày  + đôi chân, gần gũi, huấn luyện  + lim dim, quý hiếm, trái tim.  Trình bày ý kiến cá nhân.  - Lắng nghe.  - Chú đừng săn bắn các loài chim ….  - Lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Môn học: Tiếng Việt - Lớp 1A**

**Tên bài học: Bài 2: Bảy sắc cầu vồng – Số tiết: 2 tiết**

*Thời gian thực hiện: Ngày 3/4/2024*

**I. Yêu cầu cần đạt**:

**1. Kiến thức:**

***- Đọc:*** Đọc đúng, rõ ràng bài thơ: **Bảy sắc cầu vồng**; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến nội dung bài thơ; nhận biết một số tiếng cùng vần với nhau, củng cố kiến thức về vần; thuộc lòng một khổ thơ và cảm nhận được vẻ đẹp của bài thơ qua vần và hình ảnh thơ; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh.

***- Nói và nghe:*** Thông qua hoạt động trao đổi về nội dung VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

**2. Năng lực:**

**-** Phát triển NL tự chủ - tự học*;* giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp - hợp tác thông qua khả năng làm việc nhóm.

**3. Phẩm chất yêu nước:**

- Yêu quý vẻ đẹp và sự kỳ thú của thiên nhiên.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**1.Giáo viên :**

- Tranh minh hoạ.

- Máy tính, tivi.

**2.Học sinh** :

- Sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 1 tập 2, vở TV, bảng con, phấn.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Tiết 1**  **1. Hoạt động khởi động: 5’**  Trò chơi: “Bắn tên”  - Nhận xét, tyên dương  **2. Khám phá: 18’**  **2.1. Nhận** **biết**  - GV tổ chức cho HS quan sát tranh và trao đổi theo cặp  + Chiếu câu đố lên màn hình (hoặc viết lên bảng), gọi HS đọc nối tiếp.  + Yêu cầu HS giải đố.  + Có thể đưa thêm các câu hỏi phụ (*Em đã từng thấy cầu vồng chưa? Cầu vồng xuất hiện ở đâu? Em có cảm nghĩ gì khi thấy cầu vồng?*).  - GV dẫn vào bài đọc Bảy sắc cầu vồng  **2.2. Đọc mẫu, HD chia khổ thơ**  - Đọc mẫu bài thơ  - Trong bài này gồm có mấy dòng thơ?  **2.3. Hướng dẫn luyện đọc từng câu, đoạn, kết hợp đọc từ khó và giải nghĩa từ**  - Cho HS đọc nối tiếp 2 dòng thơ  - HDHS đọc từ khó.  -Gọi HS đọc nối tiếp dòng lần 2  - Nhận xét, tuyên dương  - Theo em, bài thơ này chia thành mấy khổ thơ  - Gọi HS đọc nối tiếp khổ thơ  - GV kết hợp giải nghĩa từ  + Chồi: phần ở ngọn cây, cành hoặc mọc từ rễ ra.  + Khiêm nhường; khiêm tốn, không giành cái hay cho mình...  **3.** **Thực hành: 10’**  **3.1. Luyện đọc nhóm**  **-** Tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm  **-** Tổ chức cho HS thi đọc  **3.2. Đọc toàn bài**  - Tổ chức cho HS đọc thầm  - Yêu cầu HS đọc khổ thơ mình thích  - Nhận xét phần đọc của HS  **3.3. Tìm trong bài thơ những tiếng có vần ông, ơi, ưa**  - Yêu cầu Hs đọc theo nhóm đôi và tìm tiếng cùng vần tìm tiếng có **v**ần giống nhau ở cuối các dòng thơ.  - GV Yêu cầu HS tìm những tiếng tìm được vào vở.  - Nhận xét, tuyên dương  **4. Vận dụng: 3’**  **-** GV yêu cầu HS chia sẻ cảm nhận sau bài đọc  - Nhận xét tiết học  **Tiết 2**  **1. Khởi động: 5’**  - Trò chơi Hái hoa  - Nhận xét, tuyên dương  **2. Thực hành: 25’**  **2.1. Trả lời câu hỏi. 10’**  a. Cầu vồng xuất hiện khi nào?  b. Cầu vồng có mấy màu, đó là những màu nào?  c. Câu thơ nào cho thấy cầu vồng xuất hiện và tan đi rất nhanh.  + Vậy em hiểu “ẩn hiện” có nghĩa là gì?  **2.2. Học thuộc lòng. 9’**  - GV trình chiếu hai khổ thơ cuối của bài thơ “Bảy sắc cầu vồng”  - Mời 1 HS đọc to 1 khổ thơ  - GV xóa dần bảng cho HS học thuộc lòng 1 khổ thơ  - Tổ chức cho HS thi đọc thuộc lòng 2 khổ thơ đầu  - Nhận xét, tuyên dương  **2.3. Viết vào vở tên từng màu trong bảy màu của cầu vồng. 6’**  - Yêu cầu HS nhắc lại tên của 7 màu cầu vồng.  - Yêu cầu HS đổi vở cho nhau để NX và góp ý.  - Nhận xét, tuyên dương.  **3. Vận dụng: 5’**  - Thi nói câu về cầu vồng  - GV nhận xét giờ học. | - Lớp trưởng điều khiển  + Hải âu có thể bay xa như thế nào?  + Ngoài bay xa, hải âu còn có khả năng gì?    - Thảo luận theo cặp.  - Đọc câu đố  - Bảy sắc cầu vồng  - Em đã nhìn thấy rồi, nó xuất hiện trên bầu trời. Em thấy nó rất đẹp.  - Đọc đề bài  - Lắng nghe  - 16 dòng thơ  - Đọc câu nối tiếp lần 1.  - Đọc một số từ ngữ khó (*tươi thắm, màu chàm, bừng tỉnh*…*)*  - Đọc nối tiếp lần 2.  - 4 khổ thơ  - Đọc nối tiếp từng khổ thơ.  - Lắng nghe  - Luyện đọc N4 và góp ý cho nhau  - 2-3 nhóm thi đọc  - Nhận xét, tuyên dương  - 1 HS đọc toàn bài  - HS đọc thầm  - 2 HS đọc - HS khác lắng nghe  - Nhận xét, bình chọn bạn đọc tốt  - Nhóm 2  - Thảo luận nhóm đôi  - Viết vào vở  vồng, trông, trời, bơi, mưa  - Cầu vồng rất đẹp  - Lắng nghe  - Lớp trưởng điều khiển  - 2 HS đọc khổ thơ 1, 2; 3,4.  - Cầu vồng thường xuất hiện khi trời vừa mưa xong lại có nắng ngay.  - (N2) Cầu vồng có 7 màu, là các màu đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím.  - Câu thơ cho thấy cầu vồng xuất hiện và tan đi rất nhanh là “Cầu vồng ẩn hiện/ Rồi lại tan mau”.  + ẩn hiện: lúc xuất hiện, lúc biến mất.  - 1HS đọc  - HS đọc nối tiếp theo dãy (cá nhân, nhóm đôi, đồng thanh lớp)  - Xung phong thi đọc  - Nhắc lại và viết vào vở tên 7 màu của cầu vồng (đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím).  - Đổi vở cho bạn bên cạnh.  - Cầu vồng rất lạ.  - Lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Môn học: Tiếng Việt - Lớp 1A**

**Tên bài học: Bài 3: Chúa tể rừng xanh – Số tiết: 4 tiết**

*Thời gian thực hiện: Ngày 4,5/4/2024*

**I. Yêu cầu cần đạt**:

**1. Kiến thức:**

***- Đọc:*** Đọc đúng, rõ ràng một văn bản thông tin ngắn và đơn giản bài: **Chúa tể rừng xanh**; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; nhận biết được trình tự các sự việc trong VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh.

***-Viết:*** Viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc. Viết đúng câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết đúng một đoạn ngắn.

***- Nói và nghe:*** Trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

**2. Năng lực:**

**-** Phát triển NL tự chủ - tự học*;* giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp -hợp tác thông qua khả năng làm việc nhóm, khả năng nhận ra các vấn đề đơn giản và biết đặt câu hỏi.

**3. Phẩm chất nhân ái:**

- Tình yêu đối với động vật.

- Biết nghe lời cha mẹ, có ý thức bảo vệ an toàn cho các loài vật

**II. Đồ dùng dạy học:**

**1.Giáo viên :**

- Tranh minh hoạ.

- Máy tính, tivi.

**2.Học sinh** :

- Sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 1 tập 2, vở TV, bảng con, phấn.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1**  **1. Khởi động: 5’**  - Trò chơi: Đèn xanh, đèn đỏ  - Nhận xét, tuyên dương  **2. Khám phá:18’**  **2.1. Nhận** **biết**  **Giải câu đố**  + Chiếu câu đố lên màn hình (hoặc viết lên bảng), gọi HS đọc nối tiếp.  + Yêu cầu HS giải đố.  - H/ dẫn vào bài đọc Chúa tể rừng xanh  **2.2. Đọc mẫu, HD chia câu**  - Đọc mẫu toàn VB  - Trong bài này gồm có mấy câu?  **2.3. Hướng dẫn luyện đọc từng câu, đoạn, kết hợp đọc từ khó và giải nghĩa từ**  - Cho HS đọc nối tiếp câu  - HDHS đọc từ khó.  - Cho HS đọc nối tiếp câu lần 2  - GVHDHS đọc câu dài  - Luyện đọc đoạn.  - GV chia VB thành thành 2đoạn (đoạn 1: từ đầu đến *khỏe và hung dữ*, đoạn 2: phần còn lại)  - Cho HS đọc nối tiếp  - Kết hợp giải nghĩa từ:  + chúa tể: vua, người cai quảng một vương quốc.  + vuốt: móng nhọn, sắc và cong  **3.** **Thực hành: 10’**  **3.1. Luyện đọc nhóm**  **-** Tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm  **-** Tổ chức cho HS thi đọc nối tiếp từng đoạn giữa các nhóm.  **3.2. Đọc toàn bài**  - Tổ chức cho HS đọc thầm  -Yêu cầu HS đọc đoạn mình thích  - Nhận xét phần đọc của HS  - Đánh giá, biểu dương  **4. Vận dụng: 5’**  **-** GV yêu cầu HS chia sẻ cảm nhận sau bài đọc  - Nhận xét tiết học  **Tiết 2**  **1. Khởi động: 5’**  -Trò chơi hái hoa  - Nhận xét, tuyên dương  **2. Thực hành: 25’**  **2.1. Trả lời câu hỏi. 12’**  - Gọi hs đọc đoạn để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi.  a. Hổ ăn gì và sống ở đâu?  b. Đuôi hổ như thế nào?  c. Hổ có những khả năng gì đặc biệt?  *+ Vì sao hổ được xem là chúa tể rừng xanh?*  - Nhận xét, tuyên dương  **2.2. Luyện đọc lại. 5’**  - Gọi HS đọc toàn bài.  - Nhận xét, khen ngợi.  **2.3.** **Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a và b ở mục 3. 8’**  - Yêu cầu HS nhắc lại câu trả lời đúng cho câu trả lời a và b  - Hướng dẫn quy trình viết chữ hoa Đ  - Hướng dẫn thêm chữ Đ in hoa cho HS biết quy trình  + Cho HS viết các từ ngữ vào vở TV  - Nhận xét một số bài viết.  **3. Vận dụng: 5’**  -Nói câu về hổ  - GV nhận xét giờ học.  **Tiết 3**  **1. Khởi động: 5’**  **-** Yêu cầu LT lên tổ chức trò chơi: “Bắn tên”  - Nhận xét, tuyên dương  **2. Thực hành: 25’**  **2.1. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết vào vở. 12’**  - Cho HS đọc các từ ngữ cần điền.  - Cho HS thảo luận theo cặp để lựa chọn từ ngữ điền cho đúng.  - Trong câu tiếng nào viết hoa? Vì sao phải vết hoa ?  - HD học sinh viết câu hoàn chỉnh vào vở.  - Kiểm tra nhận xét bài của một số HS.  - Nhận xét, tuyên dương  **2.2. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh: 13’**  - Giới thiệu tranh, HD HS quan sát tranh qua các câu hỏi gợi ý:  *+ Tranh vẽ gì?*  *+ Điểm khác nhau giữa hổ và chó?*  - Yêu cầu HS làm việc nhóm, QS tranh và trao đổi nội dung tranh theo các từ ngữ gợi ý.  - Gọi một số HS trình bày kết quả thông qua trò chơi “*Em kể*”.  - Nhận xét, tuyên dương  **3. Vận dụng: 5’**  - Nói câu về hổ  - Nhận xét giờ học.  **Tiết 4**  **1. Khởi động: 5’**  - Tổ chức cho HS viết bảng  - Nhận xét, tuyên dương  **2. Khám phá: 15’**  **2.1. Nghe – viết chính tả.**  - Đọc mẫu văn bản  - Gọi hs đọc  - Trong đoạn viết này, những tiếng nào viết hoa? Tại sao?  + Theo em, trong đoạn viết có chữ nào mà các em hay nhầm lẫn?  - Cho học sinh luyện đánh vần, phân tích các chữ các em vừa nêu.  - GV lưu cách viết  + GV đọc từng câu cho HS viết.  - GV quan sát uốn nắn HS viết.  **2.2. Chấm bài và soát lỗi**  -GV đọc lại bài  - YC HS đổi vở để chấm lỗi chính tả.  -Thu 1 số vở  -GV soát lỗi dưới lớp  -Chấm bài, nhận xét  **3. Thực hành: 10’**  **3.1.** **Tìm trong hoặc ngoài bài đọc *Chúa tể rừng xanh* từ ngữ có tiếng chứa vần *ăt, ăc, oai, oay***  - Nêu nhiệm vụ và lưu ý HS từ ngữ cần tìm có thể có trong hoặc ngoài bài.  - Viết lên bảng từ ngữ HS vừa tìm được.  - Nhận xét, tuyên dương.  **3.2. Thông tin nào phù hợp với hổ, thông tin nào phù hợp với mèo?**  - Yêu cầu HS đọc to các từ ngữ trong bảng.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 4 (nhóm số lẻ chọn thông tin phù hợp với hổ, nhóm số chẵn chọn thông tin phù hợp với mèo).  - Nêu câu hỏi gợi ý: *Hổ/ mèo sống ở đâu? Hổ/ mèo thường hay làm gì? Hổ/ mèo có đặc điểm gì?*  - Yêu cầu HS trình bày.  - Chốt kết quả đúng. HD HS làm vào vở  - Nhận xét, tuyên dương  **4. Vận dụng: 5’**  -Yêu cầu HS viết lại những từ viết sai.  - Nhận xét, dặn dò | -Đọc đề  - Lớp trưởng điều khiển  + Cầu vồng xuất hiện khi nào?  + Cầu vồng có mấy màu, đó là những màu nào?  - Đọc lại câu đố  - Con hổ  - Đọc đề  - Lắng nghe  - 9 câu  - Đọc câu nối tiếp lần 1.  - Đọc " *vuốt, đuôi, di chuyển, thường, …*  - Đọc nối tiếp lần 2.  - Luyện đọc.  Hổ là loài thú dữ ăn thịt,/sống trong rừng.//  Lông hổ thường có màu vàng,/ pha những vằn đen.//  - Lắng nghe  - Đọc nối tiếp từng đoạn 2 lượt.  - Lắng nghe  - Luyện đọc N2 và góp ý cho nhau  - 2-3 nhóm thi đọc  - Nhận xét, tuyên dương  - 1 HS đọc toàn bài  - HS đọc thầm  - 2 HS đọc - HS khác lắng nghe  - Nhận xét, bình chọn bạn đọc tốt  - 2 HS chia sẻ  - Lắng nghe  - Lớp trưởng điều khiển  - 2HS đoạn 1, 2  - Hổ ăn thịt và sống trong rừng.  - Đuôi hổ dài và cứng như roi sắt.  - (N2) Hổ có thể nhảy rất xa, di chuyển nhanh và săn mồi rất giỏi, …  - Vì các loài vật trong rừng đều sợ hổ.  - 2HS đọc  - Lắng nghe  - Hổ ăn thịt và sống trong rừng.  - Đuôi hổ dài và cứng như roi sắt  -Theo dõi  -Viết vào vở  +Hổ ăn thịt và sống trong rừng.  +Đuôi hổ dài và cứng như roi sắt  - Lắng nghe  - Hổ là động vật rất dữ.  - Lắng nghe.  **-** Lớp trưởng điều khiển  + Hổ ăn gì và sống ở đâu?  + Đuôi hổ như thế nào?  - Nhóm 2  - Đọc "hung dữ, trong rừng, đêm tối, chúa tể"  - Thảo luận theo cặp. Đại diện các nhóm trình bày.  a. Gấu, khỉ, hổ, báo đều sống *trong rừng*.  b. Trong *đêm tối*, hổ vẫn có thể nhìn rõ mọi vật.  - Gấu, TrongVì đầu câu phải viết hoa.  - Viết vào vở  - Lắng nghe    - Quan sát tranh và trả lời:  + Tranh vẽ hổ và chó.  + Hổ sống trong rừng, chó sống trong nhà.  - Làm việc nhóm trao đổi nội dung tranh với các bạn cùng nhóm.  - Một số HS trình bày, HS khác nhận xét và bổ sung.  + Chú hổ đang ra bờ suối uống nước.  + Chú chó đang nằm trong hiên để giữ nhà.  - Hổ được goi là chúa tể rừng xanh.  - Lắng nghe  - 2 HS lên bảng, lớp viết bảng con các từ:  hạt dẻ, vọng lại, vách núi, vui vẻ  - Lắng nghe  -3HS đọc  - Tiếng Hổ, Bốn, Đuôi vì nó đứng đầu.  -loài, được, vuốt, chắc, khỏe, …  - loài, được, vuốt, chắc, khỏe, …  - Lắng nghe  - Viết chính tả  -Lắng nghe, soát lỗi.  -Đổi vở, soát lỗi của bạn.  -Nộp vở  - Nhóm 2  - Làm việc nhóm đôi tìm từ ngữ có tiếng chứa vần *ăt, ăc, oai, oay*: loài, sắc, mắt, loay hoay, …  - Nêu những từ vừa tìm được.  - 2-3 HS đánh vần, đọc trơn.  - Cả lớp đọc đồng thanh.  - Nhóm 4  - 2-3 HS đọc.  - Thảo luận nhóm 4 thực hiện nhiệm vụ được giao.  - Chọn thông tin phù hợp (Hổ: *Sống trong rừng; To lớn; Thường săn bắt hươu, nai; Không leo trèo giỏi; Hung dữ*. Mèo: *Sống trong nhà; nhỏ bé; Thường bắt chuột; Leo trèo giỏi; Dễ thương, dễ gần.*  - Đại diện trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Lắng nghe và làm vào vở.  - HS viết  - Nhận xét |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Môn học: Tiếng Việt - Lớp 1A**

**Tên bài học: Luyện tập củng cố các kỹ năng – Só tiết: 2 tiết**

*Thời gian thực hiện: Ngày 2,4/4/2024*

**I. Yêu cầu cần đạt**:

**1. Kiến thức:**

- Củng cố và nâng cao 1 số kiến thức, kĩ năng đã học trong chủ đề: Thiên nhiên kỳ thú, thông qua thực hành nhận biết và đọc một số VB và thơ đã được học trong tuần 29.

- Luyện viết các bài tập viết chưa hoàn thành trong tuần.

- Luyện viết thêm về chính tả.

**2. Năng lực:**

**-** Phát triển NL tự chủ - tự học, giao tiếp - hợp tác*;* giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực hợp tác thông qua khả năng làm việc nhóm.

**3. Phẩm chất**:

- Phẩm chất nhân ái, yêu nước

**II. Đồ dùng dạy học:**

Sách TV, Sách BT TV

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Tiết 1**  **HĐ1. Khởi động: (4’)**  - Hát, múa  **HĐ2. Luyện tập (31’)**  **\*Luyện đọc (20’)**  - Gọi hs đọc sgk bài: Chúa tể rừng xanh  ->Theo dõi, nhận xét  **\*Luyện viết (11’)**  - Viết phần từ ngữ còn lại trong tuần 29  - Đọc đoạn 1 bài: “Chúa tể rừng xanh” cho hs viết vào vở.  =>Chấm, nhận xét  **Tiết 2**  **\*Làm vở bài tập (32’)**  -HD hs làm vở bài tập TV Bài 3: Chúa tể rừng xanh / trang 47, 48.  **=>**HS hoàn thành có thể làm bài tập tự chọn  =>Kiểm tra, nhận xét bài làm hs.  **HĐ3. Vận dụng: (3’)**  - Nhận xét - tuyên dương.  - Về nhà đọc lại bài và tiếp tục làm hoàn thành bài tập trong vở bài tập. | - Hát  - Đọc theo N2 - Đọc nối tiếp theo dãy -Đồng thanh  - 1 vài hs đọc cả bài  - Lắng nghe  - Viết vở TV  - Nghe viết vở  - Lắng nghe  - Làm vở bài tập  + Làm phần bài tập bắt buộc  + Đọc đoạn văn dưới đây, nối A với B.  Hình dáng mèo – giống hình dáng một con hổ nhỏ.  Mèo và hổ - có nhiều điểm giống nhau.  Tai mèo – rất thính.  Hổ thua mèo - ở khả năng leo trèo.  Mắt mèo – rất tinh.  - Lắng nghe  - Lắng nghe  - Lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Môn học: Luyện Tiếng Việt - Lớp 1A**

**Tên bài học: Luyện tập**

*Thời gian thực hiện: Ngày 2/4/2024*

**I. Yêu cầu cần đạt**:

**1. Kiến thức:**

***- Đọc:*** Đọc đúng, rõ ràng một câu chuyện đơn giản: **Loài chim của biển cả**; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh.

***- Viết:*** Viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc. Viết đúng câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn ngắn.

***- Nói và nghe:*** Trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

**2. Năng lực:**

**-** Phát triển NL tự chủ - tự học, giao tiếp - hợp tác*;* giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực hợp tác thông qua khả năng làm việc nhóm, khả năng nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt câu hỏi.

**3. Phẩm chất yêu nước, nhân ái:**

- Yêu và có ý thức bảo vệ thiên nhiên và động vật.

**II. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **HĐ1. Khởi động: (3’)**  - Hát, múa  **HĐ2. Luyện tập (31’)**  **\*Luyện đọc (15’)**  - Gọi hs đọc sgk bài: Loài chim của biển cả.  ->Theo dõi, nhận xét  **\*Làm vở bài tập (16’)**  **-** HD hs làm vở bài tập TV Bài 1: Loài chim của biển cả / trang 44, 45  **=>**HS hoàn thành có thể làm bài tập tự chọn  =>Kiểm tra, nhận xét bài làm hs.  **HĐ3. Vận dụng: (2’)**  - Nhận xét - tuyên dương.  - Về nhà đọc lại bài và tiếp tục làm hoàn thành bài tập trong vở bài tập. | - Hát  - Đọc theo N2-Đọc nối tiếp theo dãy-Đồng thanh  - 1 vài hs đọc cả bài  - Lắng nghe  - Làm vở bài tập  - Làm phần bài tập bắt buộc  + Chọn từ ngữ điền vào chỗ trống  a) Con cá cần **nước** để bơi.  b) Con chim cần **bầu trời** để bay.  c) Con hổ cần **rừng** để ở.  d) Con ong cần **hoa** để làm mật.  - Lắng nghe |

**III. Điều chỉnh sau bài dạy:**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..